

QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG QUA 30 NĂM ĐỔI MỚI (1986-2016)

TS TRẦN THỊ THÁI

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Phát triển bền vững là sự phát triển mọi mặt trong xã hội hiện tại, mà vẫn đảm bảo sự tiếp tục sự phát triển trong tương lai, là nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của nhiều quốc gia dân tộc hiện nay, trong đó có Việt Nam. Vì vậy, phát triển bền vững đã trở thành đường lối, quan điểm xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hội nhập quốc tế. Qua 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới (1986-2016), tư duy, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển bền vững đã ngày càng được bổ sung, phát triển hoàn thiện.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam; đổi mới; phát triển bền vững



HỘI THẢO CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030 VỀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDG) TẠI VIỆT NAM



Hội thảo Chương trình nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững và cập nhật tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDG) tại Việt Nam, ngày 21-12-2016.

1 Khái niệm “phát triển bền vững” được Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) thuộc Liên hiệp quốc đề ra từ năm 1987. Theo đó, phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Điều này được tái khẳng định tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển ở Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về phát triển bền vững ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002. Phát triển bền vững được khái quát hóa theo ba mặt, gồm phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Ba mặt này kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà với nhau trong quá trình phát triển.

Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, tư duy, nhận thức của Đảng về phát triển bền vững ngày càng được bổ sung, phát triển. Tại Đại hội VI (1986) của Đảng, tư duy về phát triển bền vững được thể hiện với quan điểm: thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng CNXH¹.

Tại Đại hội VII (1991) của Đảng, chủ trương của Đảng về phát triển bền vững được đề cập một cách cụ thể hơn: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường”². Đây là lần đầu tiên vấn đề bảo vệ môi trường được Đảng đề cập với quan điểm là một trong các trụ cột của phát triển bền vững. Đại hội xác định: “Bảo vệ và sử dụng hợp lý các tài nguyên, cải thiện môi trường, ngăn chặn tình trạng hủy hoại đang diễn ra nghiêm trọng, chống xu hướng chạy theo tốc độ tăng trưởng và lợi ích trước mắt, gây hại cho môi trường”³.

Tổng kết 10 năm tiến hành đổi mới đất nước (1986-1996), trên cơ sở những thành tựu quan trọng đạt được, Đại hội VIII (1996) của Đảng chủ trương

đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước với quan điểm lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Đại hội đề ra mục tiêu: “Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội”⁴. Lần đầu tiên, cụm từ *bền vững* xuất hiện trong văn kiện của Đảng. Đại hội nhấn mạnh: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển”⁵.

Đại hội IX (2001) của Đảng tiếp tục đề cập đến vấn đề phát triển bền vững với những nội dung: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa... đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp... phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ cải thiện môi trường”⁶; “Phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”⁷.

Thực hiện các chủ trương đề ra, đến năm 2006, đất nước đã giành được nhiều thành tựu quan trọng nhưng vẫn còn một số yếu kém, khuyết điểm, nhất là trong phát triển bền vững, đó là: Chưa thực hiện thật tốt việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Môi trường ở nhiều nơi bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống⁸. Để khắc phục điều đó, Đại hội X (2006) của Đảng chủ trương: “tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn”⁹. Đại hội rút ra 5 bài học kinh nghiệm, trong đó bài học đầu tiên là: “Bài học về phát triển nhanh và bền vững... Phát triển kinh tế phải đi đôi với việc bảo đảm ổn định chính trị-xã hội, coi đây là tiền đề, điều kiện để phát triển nhanh và bền vững”¹⁰.

Đến năm 2011, Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh đặc biệt coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền

vững của sự phát triển, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng.

Đại hội thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, trong đó khẳng định cần nắm vững và giải quyết tốt tám mối quan hệ lớn, trong đó có mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Đại hội cũng thông qua *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020* với 5 quan điểm phát triển, trong đó, vấn đề phát triển bền vững được đề cập đầu tiên, đó là: Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô... Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững luôn phải gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế-xã hội¹¹.

Đại hội XII (2016) của Đảng tiếp tục xác định toàn Đảng, toàn dân tập trung đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững¹². Ngay tiêu đề mục II Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về các văn kiện Đại hội XII của Đảng đã khẳng định chủ trương tinh thần của Đại hội XII: “Phát triển nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”¹³.

Như vậy, qua 30 năm đổi mới (1986-2016), quan điểm của Đảng về phát triển bền vững ngày càng được rõ nét hơn. Trong đó, Đại hội VI mới chỉ đề ra quan điểm phát triển kinh tế gắn liền với chính sách xã hội. Đến Đại hội VII, Đảng đã nêu ra 3 trụ cột chính của phát triển bền vững là: tăng trưởng kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Tiếp đến, Đại hội VIII nêu lên quan điểm phát triển

bền vững nhưng chưa rõ ràng. Đến Đại hội IX, Đảng đề cập một cách sâu sắc hơn về phát triển bền vững với những chỉ tiêu cụ thể về phát triển kinh tế, xã hội nhưng chỉ tiêu về môi trường vẫn chưa cụ thể. Đến Đại hội XI và Đại hội XII của Đảng, những quan điểm về phát triển bền vững đã được xác định một cách cụ thể và chi tiết hơn.

2 Trong 30 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước đạt những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội theo hướng phát triển bền vững.

Về kinh tế: Thực hiện các chủ trương, biện pháp phát triển đất nước do Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng đề ra, đến năm 1996, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội và bước sang một thời kỳ mới: Thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Từ năm 1996 đến năm 2000, kinh tế nước ta có nhịp độ tăng trưởng cao. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 10 năm (1990-2000) đạt 7,5%; năm 2000 so với năm 1990, GDP tăng hơn 2 lần. Trong 5 năm (2001-2005) của nhiệm kỳ Đại hội IX, GDP bình quân tăng gần 7,5%¹⁴. Cơ cấu ngành kinh tế đã chuyển nhanh sang hướng công nghiệp và dịch vụ. Tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng nhanh, tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm mạnh. Cụ thể, năm 1990, tỷ trọng của khu vực nông-lâm-ngư nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội đạt 38,74%, của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 22,6% và của khu vực dịch vụ đạt 38,59%; đến năm 1995 tỷ lệ đó là: nông-lâm-ngư nghiệp: 27,18%, công nghiệp và xây dựng: 28,76% và dịch vụ: 44,06%; năm 2000, nông-lâm-ngư nghiệp còn 24,53%, công nghiệp và xây dựng: 36,73%, dịch vụ: 38,74%; năm 2005, nông - lâm - ngư nghiệp còn 20,47%, công nghiệp và xây dựng: 41,02%, dịch vụ: 38,01%; năm 2010, nông-lâm-ngư nghiệp là 18,89%, công nghiệp và xây dựng: 38,23%, dịch vụ: 42,88%¹⁵. Đến năm 2016, tỷ trọng của khu vực nông-lâm-ngư nghiệp

trong tổng sản phẩm xã hội giảm còn 16,3%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng lên 32,7%, khu vực dịch vụ là 40,9%¹⁶.

Về xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam dần được cải thiện, từ mức dưới trung bình (0,498 năm 1991) tăng lên mức trung bình (0,688 năm 2002). Năm 2005, Việt Nam xếp thứ 108 trong tổng số 177 nước được điều tra¹⁷; đến năm 2011, xếp thứ 128/187 nước trên thế giới được xếp hạng¹⁸.

Việc làm bình quân tăng 2,5%-3%/năm; số việc làm mới được tạo ra bình quân khoảng 1,6 triệu/năm. Trong đó khoảng 75% là từ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, 25% là từ các chương trình mục tiêu việc làm, giảm nghèo và xuất khẩu lao động¹⁹.

Mức sống chung của người dân từng bước được nâng lên. An sinh xã hội ngày càng mở rộng. Tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho an sinh xã hội khoảng trên 28%/năm. Quy mô đào tạo nguồn nhân lực tăng nhanh, cơ cấu, trình độ đào tạo chuyển mạnh sang đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Quy mô đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tăng nhanh²⁰.

Tốc độ giảm nghèo nhanh và liên tục qua các năm. Theo chuẩn nghèo của Ngân hàng Thế giới tính cho Việt Nam, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 58,1% năm 1993 xuống còn khoảng 5% năm 2015. Số lượng đối tượng được trợ giúp xã hội thường xuyên ngày càng mở rộng và tăng nhanh. Giáo dục y tế, văn hóa từng bước phát triển²¹.

Về môi trường: Việc khai thác, sử dụng tài nguyên quốc gia và bảo vệ môi trường gắn với yêu cầu phát triển bền vững đã được quan tâm, chú trọng và bước đầu đem lại những kết quả tích cực. Công tác quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường đã ngày càng được chú trọng hơn. Công tác quản lý nhà nước về đất đai có nhiều chuyển biến, hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai từng bước được củng cố, cán bộ làm công tác quản lý đất đai được tăng cường. Các công cụ pháp lý về bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên nước được

tăng cường. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên được triển khai trên nhiều mặt. Công tác phục hồi tài nguyên nước bị ô nhiễm, suy thoái đã và đang được quan tâm²².

Sau 30 năm đổi mới (1986-2016), chủ trương của Đảng về phát triển bền vững được thể hiện ngày càng rõ nét qua văn kiện Đại hội và Hội nghị Trung ương các khóa, đặc biệt từ Đại hội VIII, IX, X, XI, XII. Triển khai Nghị quyết của Đảng theo hướng phát triển bền vững, kinh tế-xã hội Việt Nam ngày càng có sự chuyển biến tích cực góp phần thực hiện thành công của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb CTQG, H, 1987, tr. 86

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb CTQG, H, 2005, tr. 339, 375-376

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2015, tr. 369, 393-394

6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2016, T. 60, tr. 132, 239

8, 9, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới*, Nxb CTQG, H, 2010; Phần II, tr. 413-414, 310, 425

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 98

12, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 217, 21

14, 17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận-thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb CTQG, H, 2005, tr. 69, 80

15, 18, 19, 20, 21, 22. Đinh Thế Huynh: *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*; Nxb CTQG, H, 2016, tr. 138, 104-105, 105, 105, 106, 144

16. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2017*, Nxb Thống kê, H, 2018.